

Số: 04/2023/QĐST-DS

Móng Cái, ngày 06 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 691; 705; 707; 709; 710; 712; 713 của Bộ luật dân sự năm 1995;

Căn cứ vào Điều 615 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 23/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*. Nguyên đơn: chị Phạm Thị Hồng N, sinh năm: 1996; nơi thường trú: thôn 9, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh và anh Phạm Văn T, sinh năm: 1997; nơi cư trú: tổ 4, khu H, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh (anh T đã ủy quyền cho chị N tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 07/4/2023).

*. Bị đơn: chị Trần Thị T, sinh năm: 1987; nơi thường trú: tổ 4, khu H, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

*. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Trần Thị H, sinh năm: 1974, nơi thường trú: tổ 4, khu H, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh (chị H đã ủy quyền cho chị N tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 20/4/2023).

+ Anh Hoàng Văn H, sinh năm: 1970 và chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1973; đều có nơi thường trú: tổ 4, khu H, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

+ Cháu Phạm Văn H, sinh ngày 09/6/2007 và cháu Phạm Phương A, sinh

ngày 05/9/2009; có người đại diện hợp pháp là chị Trần Thị T, sinh năm: 1987; đều có nơi thường trú: tổ 4, khu H, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Chị Trần Thị T, cháu Phạm Văn H, Phạm Phương A là người đang quản lý di sản của anh Phạm Văn T đối với thửa đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 134008, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00296 do UBND thị xã (nay là thành phố) Móng Cái, cấp ngày 10/8/2005 thống nhất, thỏa thuận để chị T là người thực hiện nghĩa vụ do anh T để lại trước khi chết tại “giấy chuyển nhượng đất” đề ngày 15/9/2004, các đương sự thống nhất thỏa thuận như sau:

Giao cho chị Trần Thị T được quyền sử dụng thửa đất có diện tích 391m²; trong đó: diện tích đất ở là 240m², đất trồng cây lâu năm là 151m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 134008, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00296 do UBND thị xã (nay là thành phố) Móng Cái, cấp ngày 10/8/2005 cho anh Phạm Văn T, được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên và phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị N, anh T số tiền 900.000.000đ (chín trăm triệu đồng); chia theo phần chị T phải thanh toán cho chị N, anh T mỗi người: 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn thanh toán đến hết ngày 30/11/2023, đồng thời phải thực hiện các nghĩa vụ khác về tài sản của anh T trước khi chết để lại nếu có. Nếu sau ngày 30/11/2023 chị T không thanh toán cho chị N, anh T số tiền nêu trên thì phải thanh toán cho chị N, anh T số tiền 1.500.000.000đ (một tỷ, năm trăm triệu đồng) đồng thời phải chịu tiền lãi đối với số tiền 1.500.000.000đ từ ngày 01/12/2023 cho đến khi thi hành xong toàn bộ khoản tiền 1.500.000.000đ.

Kể từ ngày chị T thanh toán xong tiền cho chị N, anh T theo thỏa thuận nêu trên thì chị N, anh T không còn bất kỳ quyền lợi nào kể cả yêu cầu chia di sản thừa kế liên quan đến thửa đất nêu trên của anh Phạm Văn T.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và đến hạn thanh toán theo thỏa thuận, nếu chị T không trả tiền cho chị N, anh T thì các anh chị có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự buộc chị T phải trả số tiền theo thỏa thuận và khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về chi phí tố tụng: chị Phạm Hồng N tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

- Về án phí: chị Phạm Hồng N tự nguyện nộp cả 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007785 ngày 10/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Chị N được hoàn trả lại số tiền còn lại là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP. M;
- Chi cục THADS TP. M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thùy Dương